

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên Tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 152/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị H, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: đường 3/2, tổ 1, khu phố 6, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Phan Đình A, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: đường 3/2, tổ 1, khu phố 6, TT.Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19/5/2022; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/4/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, biên bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Lê Thị H trình bày: Chị và anh A tự nguyện tìm hiểu về chung sống từ năm 1994, anh chị không đăng ký kết hôn, nhưng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh chị chung sống như vợ chồng đến năm 2019 thì không chung sống cùng nhau, hiện tại đã ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Nay chị yêu cầu Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Theo bản tự khai ngày 18/4/2022 có trong hồ sơ, bị đơn Phan Đình A trình bày: anh và chị H tự nguyện tìm hiểu về chung sống từ năm 1994, anh chị không đăng ký kết hôn, có được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh chị chung sống như vợ chồng đến năm 2019 thì không chung sống cùng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Nay chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng thì anh đồng ý.

- Về con chung: anh chị có 02 con chung:

+ Phan Đình Sang, sinh năm: 1995

+ Phan Tuấn Vỹ, sinh năm: 2000

Các con của anh chị hiện nay đã trưởng thành, do đó anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ, xác định đúng quan hệ pháp luật, lập và gửi các văn bản đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng. Vì vậy HĐXX, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và các cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2022 Tòa án xác định đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 19/05/2022; anh Phan Đình A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/4/2022. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và hình thức của đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị Lê Thị H và anh Phan Đình A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, không đăng ký kết hôn, thấy rằng: anh chị có thời gian dài chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình. Nay chị H đề nghị xin được ly hôn. Do đó, căn cứ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để ra tuyên bố: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Phan Đình A là vợ chồng.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị H là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Lê Thị H:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị H và anh Phan Đình A là vợ chồng.

2. Về án phí DSST: Chị chị Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0009298 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Thi hành án DS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, quyết định./.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Thuận

